Phẩm 19: PHẬT THĂNG ĐÂU SUẤT THIÊN CUNG NHẤT THIẾT BẢO ĐIỆN

(Hội thứ năm)

Phẩm này tức là trả lời về phần Hồi Hướng trên. Bốn môn giống như trên.

1. Giải thích tên gọi. Tri Túc Thiên là dựa theo hạnh làm chuẩn. Vả lại, Hội thứ ba trước đây chỉ nói về cung điện ở đó, Hội thứ tư chỉ nói về sự trang nghiêm, Hội thứ năm nói đến Nhất thiết bảo trang nghiêm, Hội thứ sáu nói đến Ma-ni bảo... là bởi vì muốn hiển bày về đức tướng Từ Bi tùy theo chúng sinh mà tăng lên.

2. Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì nếu không Hồi Hướng thì không biết từ đâu tiến lên. Có hai ý, một là ý đưa ra thuộc về Hội, hai là ý đưa ra thuộc về Phẩm, giống như trước theo đó có thể biết.

3. Tông của Hội thứ ba phân biệt có hai, dựa theo người và pháp, cùng có Thể-Tướng-Dụng, theo trước có thể biết. Nhưng bởi vì Thể của Tông trong Hội này lại đưa ra khác với các Hội trước sau, cho nên Tông có hai nghĩa:

1) Nêu ra tánh Phổ Hiền phát khởi thật đức tùy theo duyên sai biệt mà nói để phát khởi Tín tâm, tức là Hội thứ nhất trình bày về thế giới hải, Hội thứ hai trình bày về Thập Tín, Hội thứ ba trình bày về Thập Giải, Hội thứ tư trình bày về Thập Hạnh, Hội thứ năm trình bày về phương tiện Hồi Hướng, Hội thứ sáu trình bày về tu thành tựu pháp của hai hành nhân quả vô lậu vốn có..., Hội thứ bảy dựa vào pháp thành tựu đức của hành nhân quả, Hội thứ tám dựa vào con người thành tựu đức sai biệt của phần vị. Đây đều là pháp cùng học của Nhất thừa và Tam thừa.

2) Thâu nhiếp duyên sai biệt mà thuận theo thật pháp vốn có, tức là Hội thứ nhất quán sát về năm Hải-mười Trí viên minh để bắt đầu tuyên thuyết, Hội thứ hai là phần vị Tín thành tựu phần lượng công đức về nhân quả chân thật vốn có của phần vị, Hội thứ ba là phần vị Giải hiển bày chứng được nhân quả Phổ Hiền thuộc về tánh đức, Hội thứ tư là phần vị Hạnh hiển bày chứng được nhân quả Phổ Hiền thuộc về bổn tánh, Hội thứ năm là phần vị phương tiện Hồi Hướng hiển bày chứng được nhân quả Phổ Hiền như tướng của pháp giới, Hội thứ sáu là phần vị Chứng hiển bày nhân quả Phổ Hiền thuộc về chứng tánh, Hội thứ bảy là dựa vào pháp để hiển bày phạm vi hành đức của nhân quả Phổ Hiền thuộc về Thông giáo, Hội thứ tám dựa vào con người để hiển bày chứng

được công đức thuộc về lý sự duyên khởi của nhân quả Phổ Hiền. Đây là nghĩa sai biệt về phần lượng của phần vị.

4. Giải thích văn. Văn này có ba phẩm phân ra hai: Hai phẩm đầu là Tựa về Phương tiện, một phẩm sau là Chánh Tông. Phẩm đầu này có hai: Một là dụng của Thể, hai là Thể dung hòa. Trong phần Thể dung hòa có ba, đó là thân-khẩu-ý, nhưng nhân quả tương ưng làm phương tiện sau, trên đây đều giống như vậy mà thôi.

Thứ hai từ "Thời bỉ Thiên Vương..." trở xuống là tùy duyên nhiếp hóa, văn này có sáu: Một, từ "Thời bỉ Thiên Vương..." trở xuống từ Thể khởi Dụng là duyên nhiếp hóa; hai, từ "Tức ư..." trở xuống phân rõ vua chuẩn bị đồ vật cúng dường tức là thành tựu căn; ba, từ "Nhĩ thời Thế Tôn, dĩ Phật trang nghiêm..." trở xuống trình bày về Phật nhận lời thưa thỉnh, thăng tòa là trình bày về tướng cơ cảm; bốn, từ "Nhĩ thời Phật thần lực vi Thiên Vương cố..." trở xuống trình bày về oai lực thù thắng gia hộ chấm dứt loạn động trú trong vắng lặng; năm, từ "Nhĩ thời Thiên Vương..." trở xuống trình bày từ Định vắng lặng phát Trí nói kệ ca ngợi; sáu, từ "Nhĩ thời Thế Tôn thăng Nhất thiết bảo điện..." trở xuống phân rõ Pháp thân Phật bình đẳng thâu nhiếp lợi ích thành tựu sự việc không hư giả.

Văn thứ hai có hai: Một là thành tựu căn; hai từ "Nhĩ thời Thiên Vương vi Như Lai phu tọa cánh..." trở xuống là Thiên Vương ra ngoài đón tiếp Đức Thế Tôn, phân rõ về nghi thức cung kính, tức là căn chín muồi thành tựu mong muốn. Phần đầu trang nghiêm đồ vật cúng dường, văn có ba: Một, tổng quát trang nghiêm để thiết lập Tông; hai, từ "Sở vị..." trở xuống riêng biệt mở rộng phân rõ về phương pháp nghi thức tu tập tiến vào; ba, từ "Như thị Tứ Thiên..." trở xuống là kết luận ca ngợi như nhau hiển bày về cơ ứng với pháp.

Văn phần một có hai: Một là tổng quát trình bày về chỗ ngồi trang nghiêm, hai từ "Quá khứ tu tập..." trở xuống phân rõ về nhân duyên. Nhân duyên có mười ba câu, một câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt, theo thứ tự loại trừ nghi ngờ có thể biết. Ngay phần thứ hai từ "Sở vị..." trở xuống mở rộng nói về ở trong cung điện tu hạnh cúng dường trở thành phương pháp nghi thức, toàn văn có ba:

1) Phân rõ về hạnh trang nghiêm tự tại về Khí thế gian.

2) Từ "Bách vạn ức chư Thiên thần vương..." trở xuống trình bày về hạnh trang nghiêm tự tại về Chúng sinh thế gian, đây là người chủ động cúng dường.

3) Từ "Bách vạn ức chư Đại Bồ-tát..." trở xuống là hạnh trang

nghiêm tự tại về Trí chánh giác, bởi vì phần này là chứng lý.

Có cách giải thích khác: Trong này có năm mươi tám chúng có thể biết. Phần một là Khí thế gian, văn có hai:

1) Đồ vật trang nghiêm ngoại trần;

2) Từ "Bách vạn ức thần lực tự tại..." trở xuống trình bày về trang nghiêm nội pháp. Trong phần Trí chánh giác, mười ba câu đầu phân rõ về con người, tiếp theo hai mươi câu là đức của hạnh. Các Đại Bồ-tát là người đi vào đạo tràng tụ hội, Hoa Thủ... là phần vị Tín giải.

Văn thứ hai là đón tiếp Phật có ba: Một, ra ngoài đón tiếp là phân rõ về nghi thức cung kính có hai, một là kết luận phần trước, hai là sinh khởi phần sau. Hai, thiết lễ cúng dường. Ba, chính thức thưa thỉnh. Phần hai là thiết lễ cúng dường, văn có ba: Một, trình bày về phần mình thực hành cúng dường có hai, một là bên ngoài, hai là bên trong có thể biết. Hai, từ "Phật thần lực cố..." trở xuống trình bày về phần thắng tiến thực hành cúng dường. Ba, từ "Nhĩ thời nhất thiết chư Thiên chúng..." trở xuống phân rõ hai hành tiến vào cảnh giới Phật. Hai là trong đức của phần thắng tiến có ba: Một là tổng quát, hai là riêng biệt trang nghiêm hư không, ba là tung hoa cúng dường Như Lai. Ba, từ "Nhĩ thời nhất thiết chư Thiên chúng..." trở xuống trong phần trình bày tiến vào cảnh giới Phật có ba: Một là phân rõ về Lợi tha; hai từ "Thời chư Thiên kiến Như Lại thân nhất nhất mao khổng..." trở xuống là đức về Tự lợi; ba từ "Nhĩ thời Như Lai..." trở xuống phân rõ tự tha bình đẳng vô cùng tự tại.

Ngay trong đoạn trước, một là biết về đức Lợi tha, hai từ "Như thị chánh niệm..." trở xuống có mười câu là kết luận về lợi ích của quán sát hiểu biết. Trong phần một là biết đức có hai:

1) Người mạnh mẽ... là đức của Báo thân,

2) Từ "Thuận chúng sinh căn vi hiện Phật thân..." trở xuống là đức của Hóa thân. Trong phần Báo thân, một là đức của thân nghiệp, hai từ "Trú Nhất thiết trí..." trở xuống phân rõ về đức của khẩu nghiệp, ba từ "Phật trí tuệ nguyệt..." trở xuống trình bày về ý nghiệp. Trong phần Hóa Phật, một là thân nghiệp, hai từ "Thường dĩ pháp thí..." trở xuống trình bày về khẩu nghiệp, ba từ "Giai do tùng tâm khởi..." trở xuống phân rõ về ý nghiệp. Những cảnh giới Phật cách xa trên đây, tức là sự tác dụng của con người đối với nhân hồi hướng.

Hai là trong đức Tự lợi có sáu câu: Một, câu đầu phân rõ về phóng ánh sáng; hai, từ "Tự nhiên..." trở xuống phân rõ trong ánh sáng nói kệ; ba, từ "Hiển hiện A-tăng-kỳ..." trở xuống trình bày về tướng trang nghiêm; bốn, từ "Hiển hiện bất khả tư..." trở xuống là hiện ra Hóa thân

thuyết pháp; năm, từ "Hựu Phật thân trung..." trở xuống hiện ra ánh sáng quý báu hiển bày về nhân hạnh; sáu, từ "Hựu đổ tự tại thần lực..." trở xuống trình bày về thuyết pháp giáo hóa.

Ba là phần Tự tha bình đẳng vô cùng tự tại, văn có bốn: Một, nhắc lại đức Từ Bi trước đây; hai, từ "Dục linh vô lượng..." trở xuống là tùy cơ nhiếp hóa lợi ích; ba, từ "Thành tựu Như Lai..." trở xuống là thành tựu đức tiến vào cõi Phật; bốn, từ "Như Lai hiển hiện..." trở xuống là kết luận ca ngợi về vô tận.

Thứ ba là văn về tùy duyên nhiếp hóa có ba: Một, chính thức đi đến; hai, giống như phương khác; ba, phân rõ về lợi ích có thể biết.

Thứ năm là văn về trí có ba: Một, trường hàng về nhớ lại, tức là Thể của trí. Hai, thuyết kệ trình bày về Tướng của trí. Vì sao ca ngợi đức của một vị Phật? Bởi vì làm sáng tỏ nhiều phương tiện hồi hướng quy về một tâm Từ Bi khéo léo. Ba, giống như tất cả các phương.

Thứ sáu là văn về nhiếp hóa thành tựu sự việc có bốn: Một, phân rõ về ứng cơ. Hai, chính thức nhiếp hóa. Ba, thành tựu lợi ích, văn có hai: Đầu là hai câu thuận theo Lý, tiếp đến là thuận theo Sự. Sở dĩ chỉ phân rõ về đầy đủ đức mà không mở rộng về cung điện là trú xứ của Như Lai, là bởi vì hiển bày phương tiện trang nghiêm riêng biệt. Bốn, giống như tất cả mười phương.